

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI CENTURY
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI CENTURY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CENTURY CONSTRUCTION AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CENTURY CONSTRUCTION CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109672578

3. Ngày thành lập: 16/06/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 780 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0963538383

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
2.	Trồng cây ăn quả	0121
3.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
4.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
5.	Chăn nuôi gia cầm	0146
6.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
7.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
8.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
9.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
10.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
11.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
12.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
13.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
14.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
15.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
16.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
17.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599
18.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
19.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
20.	Thu gom rác thải không độc hại	3811

21.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
22.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (trừ loại nhà nước cấm)	3822
23.	Xây dựng nhà để ở	4101
24.	Xây dựng nhà không để ở	4102
25.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
26.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
27.	Xây dựng công trình điện	4221
28.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
29.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
30.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
31.	Xây dựng công trình thủy	4291
32.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
33.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
34.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
35.	Phá dỡ	4311
36.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);	4312
37.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
38.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
39.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
40.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
41.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
42.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Loại trừ hoạt động đấu giá	4511
43.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Loại trừ hoạt động đấu giá	4513
44.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
45.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
46.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Loại trừ hoạt động đấu giá	4541
47.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
48.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
49.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
50.	Bán buôn thực phẩm	4632

51.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
52.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
53.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn thuốc và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
54.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
55.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
56.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
57.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
58.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
59.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
60.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
61.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
62.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
63.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
64.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí; trừ hoạt động đấu giá và các hàng hóa và dịch vụ Nhà nước cấm)	4773
65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
66.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
67.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
68.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)

69.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản Tư vấn và Quản lý bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản	6820
70.	Quảng cáo (trừ loại Nhà nước cấm)	7310
71.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
72.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động phiên dịch; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7490
73.	Cho thuê xe có động cơ	7710
74.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: + Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước + Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830
75.	Đại lý du lịch	7911
76.	Điều hành tua du lịch	7912
77.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
78.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
79.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
80.	Dịch vụ đóng gói	8292
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh Ủy thác xuất nhập khẩu	8299
82.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính. (Trừ Dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559

83.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học + Tư vấn giáo dục + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên	8560
-----	--	------

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____

Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: _____

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: _____

Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____

Địa chỉ thường trú: _____

Địa chỉ liên lạc: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **TRẦN VĂN SÁNG** Giới tính: **Nam**

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: **16/02/1989** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **034089008119**

Ngày cấp: **28/06/2018** Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Minh Đức, Xã Bắc Sơn, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Minh Đức, Xã Bắc Sơn, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội